TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CR** **TỈNH KH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CR, TỈNH KH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Xuân Oanh

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CR.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CR tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn số: 24/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà NTC, sinh năm: 1978
Nơi cư trú: TDP Pb, phường CP, thành phố CR, tỉnh KH.
- *Bị đơn:* Ông PVT, sinh năm: 1971
Nơi cư trú: TDP Pb, phường CP, thành phố CR, tỉnh KH.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 3 năm 2023, bản tự khai ngày 07 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà NTC trình bày:* Bà và ông PVT tự nguyện chung sống với nhau năm 1995, đến năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CL, thành phố CR theo giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 28/02/2001.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong thời gian chung sống, ban đầu sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, do ông Thông không chăm lo cuộc sống gia đình, cờ bạc, thường xuyên chửi bới bà. Hiện nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Nay, bà yêu cầu được ly hôn ông PVT

- Về con chung: Bà và ông PVT có 03 con chung là các cháu: Phạm NVM, sinh ngày: 02/7/1996, PNMT, sinh ngày: 26/9/1993 và PNNY, sinh ngày: 04/7/2007.

Hai cháu M, Tr đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Ý, bà yêu cầu nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông PVT không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai đề ngày 07 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Văn Thông trình bày:* Ông và bà NTC tự nguyện chung sống với nhau năm 1995, đến năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CL theo giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 28/02/2001.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong thời gian chung sống, ban đầu sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên kình cải. Hiện nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Nay, bà Công yêu cầu được ly hôn ông cũng đồng ý.

-*Về con chung*: Ông và bà NTC có 03 con chung là các cháu: Phạm NVM, sinh ngày: 02/7/1996, PNMT, sinh ngày: 26/9/1993 và PNNY, sinh ngày: 04/7/2007.

02 cháu M, T đã trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Ý, ông đồng ý giao bà Công nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng nuôi con vì ông không có tài sản gì, công việc và thu nhập không ổn định, ông đang bệnh chi phí thuốc men điều trị rất nhiều.

- *Về tài sản chung*: Ông và bà NTC không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung: Không có.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố CR:*

- Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà NTC

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- Nguyên đơn NTC đã giao nộp: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Giấy khai sinh Phạm NVM, PNMT, PNNY (bản sao); Căn cước công dân mang tên NTC, sổ hộ khẩu (bản sao).

- Bị đơn ông PVT đã giao nộp: Căn cước công dân mang tên PVT (bản photo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố CR nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CR theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà NTC có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông PVT. Căn cứ vào nội dung vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn".

[1.3] Về thủ tục giải quyết vụ án:

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật rõ ràng, các đương sự có nơi cư trú, địa chỉ ổn định và đã thừa nhận nghĩa vụ. Tài liệu chứng cứ đầy đủ đảm bảo cho việc giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ nên Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà NTC và ông PVT tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường CL cấp giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 28/02/2001 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà NTC và ông PVT cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do vợ chồng thường xuyên kình cãi. Tại biên bản xác minh ngày 12 tháng 4 năm 2023, chính quyền địa phương không xác định rõ nguyên nhân mâu thuẫn của bà NTC và ông PVT.

Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng bà NTC và ông PVT đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay, bà NTC và ông PVT không còn chung sống với nhau nữa và đều đồng ý ly hôn. Do đó, bà NTC yêu cầu được ly hôn với ông PVT là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà NTC.

[2.2] Về con chung: Bà NTC và ông PVT có 01 con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Như Ý, sinh ngày: 04/7/2007. Bà NTC yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và không yêu cầu ông PVT cấp dưỡng nuôi con.

Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Cháu Nguyễn Như Ý là nữ và đang sống cùng với mẹ. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần tiếp tục giao cháu Ý cho bà NTC nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà NTC đảm bảo việc nuôi con và không yêu cầu ông PVT cấp dưỡng nuôi con. Xét nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà NTC và ông PVT về việc ông PVT không phải cấp dưỡng nuôi con.

Riêng các cháu Phạm NVM và PNMT đã thành niên nên không xét

[2.3] Về tài sản chung: Bà NTC và ông PVT không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[3] Về án phí: Bà NTC phải nộp 150.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn" theo thủ tục rút gọn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 316, 317, 320 và 321 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà NTC.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà NTC được ly hôn với ông PVT.

2. Về con chung: Bà NTC được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung chưa thành niên là cháu PNNY, sinh ngày: 04/7/2007.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà NTC và ông PVT về việc ông PVT không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Riêng các cháu Phạm NVM, sinh ngày: 02/7/1996, PNMT, sinh ngày: 26/9/1993 đã thành niên nên không xét.

* Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Bà NTC và ông PVT không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

4. Về án phí: Bà NTC phải nộp 150.000 *(Một trăm năm mươi nghìn)* đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000489 ngày 27 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CR. Bà NTC đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bà NTC và ông PVT có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KH;
- VKSND TP. CR;
- CC THADS TP. CR;
- UBND phường CL, T. CR, tỉnh KH;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Xuân Oanh